

Bản án số: 901/2022/HS-PT  
Ngày 13 tháng 12 năm 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:* Ông Lê Thành Văn

Ông Phạm Công Mười

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 578/2022/TLPT-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Đào Thị L, do có kháng cáo của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

*Bị cáo bị kháng cáo:* Đào Thị L, sinh năm 1963 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp Mương Điều A, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Văn Đi (chết) và bà Hồ Thị Nguyệt; Có chồng tên Bùi Văn Minh và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Trần Đức Tiến – Trưởng Văn phòng luật sư Trần Đức Tiến thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt);

*Người bị hại có kháng cáo:*

1. Ông Trương Văn T, sinh năm 1962 – Có mặt;

2. Bà Hồ Thị T<sup>1</sup>, sinh năm 1955 – Có mặt;

3. Bà Nguyễn Thị L<sup>1</sup>, sinh năm 1977 – Có mặt;
4. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978 – Có mặt;
5. Bà Dương Thanh N, sinh năm 1960 – Có mặt;
6. Ông Hồ Văn V, sinh năm 1958 – Có mặt;
7. Bà Đào Thị L<sup>2</sup>, sinh năm 1962 – Có mặt;
8. Bà Dương Thị N<sup>1</sup>, sinh năm 1972 – Có mặt;

Cùng trú ấp Mương Điều A, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;

9. Bà Nguyễn Kim N<sup>2</sup>, sinh năm 1958 – Có mặt;
10. Bà Dương Thu H, sinh năm 1959 – Có mặt;
11. Bà Võ Kim N<sup>3</sup>, sinh năm 1976 – Có mặt;

Cùng trú ấp Mương Đường, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;

12. Bà Nguyễn Thị T<sup>2</sup>, sinh năm 1970 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp Thành Vọng, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;

*Ngoài ra còn có 50 người bị hại khác và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Năm 1995, Đào Thị L bắt đầu làm chủ hội, mở nhiều dây hội cho những người quen biết tham gia để hưởng hoa hồng. Từ ngày 26/01/2018 (nhằm ngày 10/12/2017 âm lịch) đến ngày 15/8/2019 (nhằm ngày 15/7/2019 âm lịch), L mở 08 dây hội loại 500.000 đồng (hoa hồng L được hưởng là 500.000 đồng/kỳ). Trong quá trình làm chủ hội, L đã thực hiện hành vi gian dối, tự ý lấy tên hội viên để bỏ thăm, rồi hốt 45 chân hội của hội viên trong 5/8 dây hội, chiếm đoạt tổng số tiền 885.260.000 đồng. Đến ngày 15/12/2019 âm lịch, L tuyên bố vỡ hội. Cụ thể 05 dây hội L đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tiền như sau:

1. Dây hội mở ngày 26/01/2018, loại hội 500.000 đồng, khai 15 ngày/kỳ vào ngày 10 và ngày 25 âm lịch hàng tháng, có 35 hội viên tham gia tổng số 54 chân hội; đã khai đến kỳ thứ 48, còn lại 06 kỳ hội sống, thì vỡ hội. Tại các kỳ mở hội lần thứ: 12, 13, 18, 28, 29, 30, 31, 33, 34, 36, 37, 38, 39 (13 kỳ), bị cáo L tự ý lấy tên các hội viên gồm: Trương Văn T, Hồ Thị T<sup>1</sup>, Nguyễn Thị T<sup>2</sup> và 08

hội viên khác, bỏ thăm số tiền thấp nhất 120.000 đồng, cao nhất 165.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 279.980.000 đồng, gồm có: Trương Văn T 04 chân, số tiền thực đóng là 66.000.000 đồng; Hồ Thị T<sup>1</sup> 03 chân, thực đóng là 50.400.000 đồng; Nguyễn Thị T<sup>2</sup> 02 chân, thực đóng 36.600.000 đồng và còn 09 người khác.

**2.** Dây hội mở ngày 30/4/2018, loại hội 500.000 đồng, khai 15 ngày/kỳ vào ngày 15 và ngày 30 âm lịch hàng tháng, có 35 hội viên tham gia tổng số 56 chân hội; đã khai đến kỳ thứ 42, còn lại 14 kỳ hội sống, thì vỡ hội. Tại các kỳ mở hội lần thứ: 06, 07, 15, 16, 19, 23, 26, 32, 34, 38 (10 kỳ), bị cáo L tự ý lấy tên các hội viên gồm: Võ Kim N<sup>3</sup> và 07 hội viên khác, bỏ thăm số tiền thấp nhất 180.000 đồng, cao nhất 300.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 193.560.000 đồng;

Dây hội còn lại 24 chân hội sống của 15 hội viên chưa hót hội, số tiền thực đóng là 323.520.000 đồng, gồm có: Nguyễn Thị L<sup>1</sup> 02 chân, số tiền thực đóng là 26.960.000 đồng; Nguyễn Thị X 01 chân, thực đóng là 13.480.000 đồng; Võ Kim N<sup>3</sup> 03 chân, thực đóng 40.440.000 đồng và còn 12 người khác.

**3.** Dây hội mở ngày 29/5/2018, loại hội 500.000 đồng, khai 15 ngày/kỳ vào ngày 15 và ngày 30 âm lịch hàng tháng, có 34 hội viên tham gia tổng số 56 chân hội; đã khai đến kỳ thứ 40, còn lại 16 kỳ hội sống, thì vỡ hội. Tại các kỳ mở hội lần thứ: 04, 06, 08, 12, 14, 15, 16, 17, 20, 24, 26 (11 kỳ), bị cáo L tự ý lấy tên các hội viên gồm: Trương Văn T, Hồ Thị T<sup>1</sup>, Đào Thị L<sup>2</sup> và 07 hội viên khác, bỏ thăm số tiền thấp nhất 170.000 đồng, cao nhất 180.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 206.600.000 đồng;

Dây hội còn lại 27 chân hội sống của 19 hội viên chưa hót hội, số tiền thực đóng là 358.365.000 đồng, gồm có: Trương Văn T 03 chân, số tiền thực đóng là 39.285.000 đồng; Hồ Thị T<sup>1</sup> 04 chân, thực đóng là 53.180.000 đồng; Hồ Văn V 02 chân, thực đóng 26.590.000 đồng; Đào Thị L<sup>2</sup> 01 chân, thực đóng 13.295.000 đồng; Dương Thị N<sup>1</sup> 01 chân, thực đóng 13.295.000 đồng; Nguyễn Kim N<sup>2</sup> 02 chân, thực đóng 26.590.000 đồng; Dương Thu H 01 chân, thực đóng 13.295.000 đồng và còn 12 người khác.

**4.** Dây hội mở ngày 18/10/2018, loại hội 500.000 đồng, khai 15 ngày/kỳ vào ngày 10 và ngày 25 âm lịch hàng tháng, có 38 hội viên tham gia tổng số 53 chân hội; đã khai đến kỳ thứ 30, còn lại 23 kỳ hội sống, thì vỡ hội. Tại các kỳ mở hội lần thứ: 04, 06, 07, 10, 13, 14 (06 kỳ), bị cáo L tự ý lấy tên 06 hội viên để bỏ thăm số tiền thấp nhất 150.000 đồng, cao nhất 170.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 107.360.000 đồng;

Dây hội còn lại 29 chân hội sống của 22 hội viên chưa hót hội, số tiền thực đóng là 303.195.000 đồng, gồm có: Hồ Văn V 02 chân, số tiền thực đóng là

20.910.000 đồng; Dương Thị N<sup>1</sup> 01 chân, thực đóng là 10.455.000 đồng; Nguyễn Kim N<sup>2</sup> 01 chân, thực đóng 10.455.000 đồng; Dương Thu H 02 chân, thực đóng 20.910.000 đồng và còn 18 người khác.

5. Dây hụi mở ngày 20/01/2019, loại hụi 500.000 đồng, khai 15 ngày/kỳ vào ngày 15 và ngày 30 âm lịch hàng tháng, có 36 hụi viên tham gia tổng số 56 chân hụi; đã khai đến kỳ thứ 24, còn lại 32 kỳ hụi sống, thì vỡ hụi. Tại các kỳ mở hụi lần thứ: 03, 06, 07, 10, 24 (05 kỳ), bị cáo Lan tự ý lấy tên 05 hụi viên để bỏ thăm số tiền thấp nhất 160.000 đồng, cao nhất 170.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 97.760.000 đồng;

Dây hụi còn lại 36 chân hụi sống của 22 hụi viên chưa hốt hụi với số tiền thực đóng là 296.380.000 đồng, gồm có: Hồ Văn V 02 chân, số tiền thực đóng 16.560.000 đồng; Trương Văn T 05 chân, số tiền thực đóng 39.700.000 đồng; Đào Thị L<sup>2</sup> 01 chân, số tiền thực đóng 8.280.000 đồng và còn 19 người khác.

Còn lại 03 dây hụi, bị cáo L không có hành vi gian dối để chiếm đoạt, nên đây là giao dịch dân sự, không có cơ sở để giải quyết trong vụ án này.

Bị cáo L đã tự nguyện hoàn trả cho 16 người bị hại; Trong đó: Trả cho Trương Văn T 20.000.000 đồng; Hồ Thị T<sup>1</sup> 32.000.000 đồng; Nguyễn Thị L<sup>1</sup> 12.000.000 đồng; Nguyễn Thị X 16.000.000 đồng; Dương Thanh N 6.000.000 đồng; Hồ Văn V 15.000.000 đồng; Đào Thị L<sup>2</sup> 7.000.000 đồng; Dương Thị N<sup>2</sup> 3.000.000 đồng; Dương Thu H 5.000.000 đồng; Võ Kim N<sup>3</sup> 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị T<sup>2</sup> 8.000.000 đồng và chưa hoàn trả cho Nguyễn Kim N<sup>2</sup>.

Tại Bản cáo trạng số 26/CT-VKS-P1 ngày 16/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã truy tố Đào Thị L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:*

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 48; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Các điều 584, 589 Bộ luật dân sự; Các điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Đào Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo L 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/12/2021.

Buộc bị cáo phải hoàn trả cho bị hại với số tiền cụ thể như sau:

- Trả cho ông Trương Văn T 99.485.000 đồng;
- Trả cho bà Hồ Thị T<sup>1</sup> 71.580.000 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị L<sup>1</sup> 31.760.000 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị X 14.280.000 đồng;
- Trả cho bà Dương Thanh N 47.920.000 đồng;
- Trả cho ông Hồ Văn V 49.060.000 đồng;
- Trả cho bà Đào Thị L<sup>2</sup> 21.575.000 đồng;
- Trả cho bà Dương Thị Nhung 20.750.000 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Kim N<sup>2</sup> 26.590.000 đồng;
- Trả cho bà Dương Thu H 29.205.000 đồng;
- Trả cho bà Võ Kim N<sup>3</sup> 47.895.000 đồng;
- Trả cho bà Nguyễn Thị T<sup>2</sup> 25.600.000 đồng;

Và còn phải trả cho 04 bị hại khác.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 21/7/2022, có 12 người bị hại gồm: Trương Văn T, Hồ Thị T<sup>1</sup>, Nguyễn Thị L<sup>1</sup>, Nguyễn Thị X, Dương Thanh N, Hồ Văn V, Đào Thị L<sup>2</sup>, Dương Thị N<sup>1</sup>, Nguyễn Kim N<sup>2</sup>, Dương Thu H, Võ Kim N<sup>3</sup> và Nguyễn Thị T<sup>2</sup> có đơn kháng cáo với cùng yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và tăng số tiền buộc bị cáo phải bồi hoàn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Bị hại ông Trương Văn T kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải trả cho ông 150.500.000 đồng, vì ông tham gia 08 dây hụi, tổng số tiền của ông tính theo hụi sống thì phải là 170.500.000 đồng, khấu trừ tiền bị cáo đã trả 20.000.000 đồng, còn lại là 150.500.000 đồng.

Bị hại bà Hồ Thị T<sup>1</sup> kháng cáo yêu cầu bị cáo phải trả cho bà 134.000.000 đồng, vì tổng số tiền bà đã đóng tính theo hụi sống là 166.000.000 đồng, khấu trừ tiền bị cáo đã trả 32.000.000 đồng, còn lại là 134.000.000 đồng.

Bị hại bà Nguyễn Thị L<sup>1</sup> kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải trả cho bà 59.000.000 đồng, vì bà tham gia 05 dây hụi, tổng số tiền của bà tính theo hụi sống phải là 71.000.000 đồng, khấu trừ tiền bị cáo đã trả 12.000.000 đồng, còn lại là 59.000.000 đồng.

Bị hại bà Nguyễn Thị X kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải trả cho bà 52.000.000 đồng, vì bà tham gia 05 dây hụi, tổng số tiền của bà tính theo hụi sống phải là 68.000.000 đồng, khấu trừ tiền bị cáo đã trả 16.000.000 đồng, còn lại là 52.000.000 đồng.

Bị hại bà Dương Thanh N kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải trả cho bà 78.000.000 đồng, vì bà tham gia 04 dây hụi, tổng số tiền của bà tính theo hụi sống phải là 84.000.000 đồng, khấu trừ tiền bị cáo đã trả 6.000.000 đồng, còn lại là 78.000.000 đồng.

Bị hại ông Hồ Văn V kháng cáo yêu cầu bị cáo phải trả cho ông 79.000.000 đồng, vì ông tham gia 03 dây hụi, tổng số tiền của ông tính theo hụi sống phải là 94.000.000 đồng, khấu trừ tiền bị cáo đã trả 15.000.000 đồng, còn lại là 79.000.000 đồng.

Bị hại bà Đào Thị L<sup>2</sup> kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải trả cho bà 58.500.000 đồng, vì bà tham gia 06 dây hụi, tổng số tiền của bà tính theo hụi sống phải là 66.500.000 đồng, khấu trừ tiền bị cáo đã trả 8.000.000 đồng, còn lại là 58.500.000 đồng.

Bị hại bà Dương Thị N<sup>1</sup> kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải trả cho bà 41.000.000 đồng, vì bà tham gia 03 dây hụi, tổng số tiền của bà tính theo hụi sống phải là 44.000.000 đồng, khấu trừ tiền bị cáo đã trả 3.000.000 đồng, còn lại là 41.000.000 đồng.

Bị hại bà Nguyễn Kim N<sup>2</sup> kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải trả cho bà 40.000.000 đồng, vì bà tham gia 02 dây hụi, tổng số tiền của bà tính theo hụi sống phải là 40.000.000 đồng;

Bị hại bà Dương Thu H kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải trả cho bà 41.500.000 đồng, vì bà tham gia 03 dây hụi, tổng số tiền của bà tính theo hụi sống phải là 50.000.000 đồng, khấu trừ tiền bị cáo đã trả 8.500.000 đồng, còn lại là 41.500.000 đồng.

Bị hại bà Võ Kim N<sup>3</sup> kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải trả cho bà 75.000.000 đồng, vì bà tham gia 02 dây hụi, tổng số tiền của bà tính theo hụi sống phải là 78.000.000 đồng, khấu trừ tiền bị cáo đã trả 3.000.000 đồng, còn lại là 75.000.000 đồng.

Bị hại bà Nguyễn Thị T<sup>2</sup> kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải trả cho bà 68.000.000 đồng, vì bà tham gia 03 dây hụi, tổng số tiền của bà tính theo hụi sống phải là 76.000.000 đồng, khấu trừ tiền bị cáo đã trả 8.000.000 đồng, còn lại là 68.000.000 đồng.

Bị cáo Đào Thị L đề nghị được trả tiền cho các bị hại và xin chấp hành hình phạt như Bản án sơ thẩm đã xử.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Đã tự nguyện bán hết tài sản để khắc phục hậu quả, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức hạn chế, gia đình có công với cách mạng. Bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo trả nợ cho từng người bị hại, với số tiền cụ thể từng người là đúng theo quy định của pháp luật, nên thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không tăng hình phạt và không tăng tiền bồi thường, để bị cáo sớm về lao động tạo thu nhập trả nợ cho các bị hại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến việc thực hiện quy định pháp luật tố tụng hình sự của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được đảm bảo, các đơn kháng cáo đều hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm; Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đào Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đã xử phạt mức hình phạt tương xứng và tuyên buộc trách nhiệm thanh toán cho người bị hại đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết tăng nặng mới và cũng không có cơ sở để tăng số tiền bồi thường cho bị hại, nên đề nghị bác kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Đơn kháng cáo của những người bị hại gồm các ông, bà: Trương Văn T, Hồ Thị T<sup>1</sup>, Nguyễn Thị L<sup>1</sup>, Nguyễn Thị X, Dương Thanh N, Hồ Văn V, Đào Thị L<sup>2</sup>, Dương Thị N<sup>1</sup>, Nguyễn Kim N<sup>2</sup>, Dương Thu H, Võ Kim N<sup>3</sup> và Nguyễn Thị T<sup>2</sup> đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Trong thời gian làm chủ hội từ ngày 26/01/2018 đến ngày 15/8/2019, bị cáo Đào Thị L thực hiện hành vi gian dối, tự ý lấy tên hội viên để hốt 45 chân hội, chiếm đoạt tổng số tiền 885.260.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, làm ảnh hưởng rất xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên cần phải xử phạt nghiêm.

Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết tăng nặng là bị cáo phạm tội 02 lần trở lên và đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bán tất cả tài sản để bồi thường cho người bị hại tổng cộng 180.750.000 đồng (gia đình không còn tài sản gì khác ngoài cái nền nhà không chuyên nhượng được vì chỉ có giấy tay), bị cáo có quá trình nhân thân tốt, cha của bị cáo có Huy chương kháng chiến hạng Nhất, có 47 người bị hại trong vụ án không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo, nên đã xử phạt bị cáo 08 năm tù đã là thỏa đáng, đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay không có tình tiết tăng nặng gì mới, nên không có căn cứ để tăng nặng thêm hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của những người bị hại.

[4] Tất cả các bị hại có kháng cáo đều yêu cầu bị cáo phải trả với số tiền tính theo số tiền lẽ ra được hốt theo kỳ mở hội. Yêu cầu như trên của các bị hại là không có căn cứ pháp luật, mà Bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo phải thanh toán cho các bị hại, tính theo số tiền các bị hại đã thực đóng cho bị cáo, được khấu trừ khoản tiền hội chết và số tiền bị cáo bồi thường trong giai đoạn điều tra, là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật tố tụng hình sự. Tại các bảng kê khai của các bị hại: Trương Văn T (bút lục số 298); Hồ Thị T<sup>1</sup> (bút lục số 344); Nguyễn Thị L<sup>1</sup> (bút lục số 258); Nguyễn Thị X (bút lục số 278); Dương Thanh N (bút lục số 336); Hồ Văn V (bút lục số 288); Đào Thị L<sup>2</sup> (bút lục số 310); Dương Thị N<sup>1</sup> (bút lục số 247); Nguyễn Kim N<sup>2</sup> (bút lục số 262); Dương Thu H (bút lục số 274); Võ Kim N<sup>3</sup> (bút lục số 266) và Nguyễn Thị T<sup>2</sup> (bút lục số 270), đều thể hiện số tiền thực đóng của từng người bị hại, số tiền hội chết và số tiền bị cáo khắc phục trong quá trình điều tra cho từng người bị hại, đúng như số tiền Bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của tất cả các bị hại yêu cầu tăng tiền bồi thường.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị bác kháng cáo của tất cả những người bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Do không được chấp nhận kháng cáo nên những người có kháng cáo về trách nhiệm dân sự, đều phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các ông, bà: Trương Văn T, Hồ Thị T<sup>1</sup>, Dương Thanh N, Hồ Văn V, Đào Thị L<sup>2</sup>, Nguyễn Kim N<sup>2</sup>, Dương Thu H là người cao tuổi, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường đối với các bị hại khác; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí



dân sự sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**2.** Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại gồm các ông, bà: Trương Văn T, Hồ Thị T<sup>1</sup>, Nguyễn Thị L<sup>1</sup>, Nguyễn Thị X, Dương Thanh N, Hồ Văn V, Đào Thị L<sup>2</sup>, Dương Thị N<sup>1</sup>, Nguyễn Kim N<sup>2</sup>, Dương Thu H, Võ Kim N<sup>3</sup> và Nguyễn Thị T<sup>2</sup>; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

**2.1.** Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Đào Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Đào Thị L 08 (*tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/12/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

**2.2.** Buộc bị cáo phải hoàn trả cho các bị hại, với số tiền cụ thể như sau:

- Trả cho ông Trương Văn T 99.485.000 đồng (*Chín mươi chín triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng*);

- Trả cho bà Hồ Thị T<sup>1</sup> 71.580.000 đồng (*Bảy mươi một triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng*);

- Trả cho bà Nguyễn Thị L<sup>1</sup> 31.760.000 đồng (*Ba mươi một triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng*);

- Trả cho bà Nguyễn Thị X 14.280.000 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng*);

- Trả cho bà Dương Thanh N 47.920.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng*);

- Trả cho ông Hồ Văn V 49.060.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng*);

- Trả cho bà Đào Thị L<sup>2</sup> 21.575.000 đồng (*Hai mươi một triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*);

- Trả cho bà Dương Thị N<sup>1</sup> 20.750.000 đồng (*Hai mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*);

- Trả cho bà Nguyễn Kim N<sup>2</sup> 26.590.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng*);

- Trả cho bà Dương Thu H 29.205.000 đồng (*Hai mươi chín triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng*);

- Trả cho bà Võ Kim N<sup>3</sup> 47.895.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng*);

- Trả cho bà Nguyễn Thị T<sup>2</sup> 25.600.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng*);

**3.** Các ông, bà: Nguyễn Thị L<sup>1</sup>, Nguyễn Thị X, Dương Thị N<sup>1</sup>, Võ Kim N<sup>3</sup> và Nguyễn Thị T<sup>2</sup>, đều phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, với số tiền mỗi người phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*)/người, và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số: 0000147, 0000142, 0000148, 0000151, 0000146 cùng ngày 21/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Các ông, bà: Trương Văn T, Hồ Thị T<sup>1</sup>, Dương Thanh N, Hồ Văn V, Đào Thị L<sup>2</sup>, Nguyễn Kim N<sup>2</sup>, Dương Thu H được miễn án phí dân sự phúc thẩm, nên mỗi người được hoàn trả 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*)/người, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số: 0000144, 0000143, 0000149, 0000150, 0000153, 0000145, 0000152 cùng ngày 21/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

**4.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường đối với các bị hại khác; về xử lý vật chứng; về án phí dân sự sơ thẩm, án phí hình sự sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa

đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.**

***Nơi nhận:***

- Chánh án TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau  
(Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau  
tổng đạt cho bị cáo);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (29b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**